|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II -2022** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **MÔN SINH HỌC LỚP 11 -TỰ LUẬN, THỜI GIAN 45 PHÚT** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |
|  |  | | |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | | | | | | |  |  | |  |  | |  |  |  |  |
| **STT** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC** | | | **CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC** | | | | | | | | | | | | | | | | **tổng số câu** | | **Tổng thời gian** | | | **tỉ lệ %** | | |
| **NHẬN BIÊT** | | | | **THÔNG HIỂU** | | | | **VẬN DỤNG** | | | | **VẬN DỤNG CAO** | | | |
| **Ch TN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **ChTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **ChTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **Thời gian** | **ch TL** | **Thời gian** | **chTN** | **chTL** |
| 1 | Sinh trưởng ở thực vật | | |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *3,5* | | | *10%* | | |
| 2 | Hoocmôn thực vật | | |  |  |  |  |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *5* | | | *10%* | | |
| 3 | Phát triển ở thực vật có hoa | | |  |  | *1* | *1,5* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *1* | *4,5* |  |  | *6* | | | *10%* | | |
| 4 | Sinh trưởng và phát triển ở động vật | | |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *3,5* | | | *10%* | | |
| 5 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật | | |  |  | *1* | *1,5* |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *6,5* | | | *15%* | | |
| 6 | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật (tt) | | |  |  |  |  |  |  | *1* | *2* |  |  | *1* | *3* |  |  | *1* | *4,5* |  |  | *9,5* | | | *15%* | | |
| 7 | Sinh sản vô tính ở thực vật | | |  |  | *2* | *3* |  |  |  |  |  |  | *1* | *3* |  |  |  |  |  |  | *6* | | | *15%* | | |
| 8 | Sinh sản hữu tính ở thực vật | | |  |  | *2* | *3* |  |  | *1* | *2* |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | *5* | | | *15%* | | |
| *Tổng* |  | | |  |  | *8* | *12* |  |  | *6* | *12* |  |  | *4* | *12* |  |  | *2* | *9* |  | *20* | 45 | | | *100%* | | |
| *Tỉ lệ* |  | | | 40% | | | | 30% | | | | 20% | | | | 10% | | | |  |  |  | | | 100% | | |
| Tổng điểm | | | | *4* | | | | *3* | | | | *2* | | | | *1* | | | |  |  |  | | | 10 | | |

|  |
| --- |
| **ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KỲ II -2022** |

**MÔN: SINH HỌC LỚP 11 - THỜI GIAN : 45 PHÚT**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | Nội dung  kiến thức | Đơn vị kiến thức | Chuẩn kiến thức kỹ năng cần kiểm tra | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | **Sinh trưởng và phát triển**  **thực vật** | Sinh trưởng ở thực vật | **Nhận biết:**  - Nêu được khái niệm sinh trưởng thực vật, sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp.  - Nêu được khái niệm mô phân sinh.  - Liệt kê được các loại mô phân sinh.  - Nhận biết được vị trí của mô phân sinh đỉnh, mô phân sinh bên.  - Liệt kê được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng của thực vật.  - Liệt kê được các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh trưởng của thực vật.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt các loại mô phân sinh.  - Xác định được nhóm thực vật có sinh trưởng sơ cấp, sinh trưởng thứ cấp.  - Phân biệt được sinh trưởng sơ cấp và thứ cấp.  - Trình bày được chức năng của mô phân sinh.  - Phân tích được ảnh hưởng của các nhân tố bên trong và bên ngoài đối với sự sinh trưởng của thực vật. | 1 | 1 |  |  |
| **2** | Hoocmôn thực vật | **Nhận biết:**  - Tái hiện được khái niệm hoocmôn thực vật.  - Liệt kê được các loại hoocmôn kích thích sinh trưởng ở thực vật.  - Liệt kê được các loại hoocmôn ức chế sinh trưởng ở thực vật.  - Nêu được điểm chung của hoocmôn thực vật.  - Nhận biết được vai trò của từng loại hoocmôn.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt các nhóm hoocmon kích thích và ức chế.  - Trình bày được tác động sinh lý của các loại hoocmôn.  - Trình bày được mối tương quan giữa các loại hoocmôn.  **Vận dụng:**  - Mô tả được ứng dụng của hoocmôn thực vật trong sản xuất nông nghiệp.  - Giải thích sự tương quan giữa các loại hoocmôn.  - Trình bày được mối liên hệ giữa tác động sinh lí của các loại hoocmôn với việc ứng dụng các hoocmôn trong sản xuất và đời sống. |  | 1 | 1 |  |
| **3** |  | Phát triển ở thực vật có hoa | **Nhận biết:**  - Tái hiện được khái niệm phát triển ở thực vật.  - Liệt kê được các nhân tố chi phối sự ra hoa.  - Nhận biết thời điểm ra hoa của cây.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được sinh trưởng và phát triển ở thực vật.  -Trình bày được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển ở thực vật có hoa.  - Liệt kê ví dụ về phát triển của thực vật có hoa.  - Giải thích sự ra hoa là giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển của thực vật Hạt kín.  **Vận dụng:**  - Sử dụng những kiến thức sinh trưởng, phát triển vào trong trồng trọt.  **Vận dụng cao:**  -Xây dựng quy trình kỹ thuật chăm sóc cây trồng, điều chỉnh sự ra hoa, quả phù hợp theo mục đích của con người.  - Áp dụng được kiến thức về sinh trưởng vào các thao tác xử lí hạt. củ nảy mầm.  - Ứng dụng kiến thức về quang chu kì vào sản xuất nông nghiệp (trồng theo mùa vụ). | 1 |  |  | 1 |
| 4 | **Sinh trưởng và phát triển**  **động vật** | Sinh trưởng và phát triển ở động vật | **Nhận biết**  - Nhận ra (Nêu) được khái niệm sinh trưởng, phát triển ở động vật.  - Nêu được khái niệm biến thái ở động vật.  - Nêu được khái niệm phát triển không qua biến thái, phát triển qua biến thái, phát triển qua biến thái hoàn toàn, phát triển qua biến thái không hoàn toàn.  - Liệt kê các hình thức phát triển ở động vật. Lấy ví dụ minh họa.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các hình thức biến thái ở động vật dựa vào đối tượng, các giai đoạn.  - Mô tả các giai đoạn phát triển không qua biến thái.  - Phân biệt được sinh trưởng và phát triển.  - Phân biệt được phát triển qua biến thái và không qua biến thái; phát triển qua biến thái hoàn toàn và không hoàn toàn. | 1 | 1 |  |  |
|  |  | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật | **Nhận biết:**  - Kể tên một số tuyến nội tiết, hoocmôn ở động vật có xương sống.  - Trình bày được vai trò của 1 số loại hoocmônquan trọng ở động vật có xương sống.  - Nêu được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật.  - Kể tên được các loại hoocmôn ảnh hưởng đến động vật có xương sống.  - Liệt kê được nơi sản xuất và tác dụng sinh lý của các loại hoocmôn: sinh trưởng, tiroxin, hoocmôn sinh dục.  **Thông hiểu:**  - Giải thích được một số bệnh rối loạn do sự thay đổi nồng độ hoocmôn ở động vật và người.  - Giải thích được vì sao các loại hoocmôn trên lại ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật có xương.  **Vận dụng:**  - Giải thích được hậu quả của việc mất cân bằng hormone ở động vật có xương sống.  **Vận dụng cao:**  - Đề xuất những biện pháp khắc phục việc mất cân bằng hormone ở động vật có xương sống. | 1 | 1 | 1 |  |
|  |  | Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển ở động vật (tt) | **Nhận biết:**  - Nêu được các nhân tố bên trong ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của động vật.  - Liệt kê một số nhân tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật.  **Thông hiểu:**  - Phân tích được tác động của các nhân tố bên ngoài đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật.  -**Vận dụng:**  - Giải thích được một số hiện tượng do ảnh hưởng của nhân tố thức ăn, nhiệt độ, ánh sáng đến sinh trưởng và phát triển ở người và động vật.  **Vận dụng cao:**  - Đề xuất biện pháp khắc phục những ảnh hưởng của ngoại cảnh đến sự sinh trưởng, phát triển ở động vật. |  | 1 | 1 | 1 |
|  | **Sinh sản thực vật** | Sinh sản vô tính ở thực vật | **Nhận biết:**  - Tái hiện được khái niệm chung về sinh sản, sinh sản vô tính ở thực vật.  - Liệt kê được các hình thức sinh sản ở thực vật.  - Liệt kê được các hình thức và đại diện của sinh sản vô tính.  - Nêu vai trò của sinh sản vô tính của thực vật.  **Thông hiểu:**  - Phân biệt được các cơ quan sinh sản sinh dưỡng ở thực vật.  - Trình bày những ưu điểm của phương pháp nhân giống vô tính.  **Vận dụng:**  - Giải thích được ưu điểm và nhược điểm của phương pháp nhân giống vô tính so với cây trồng từ hạt.  - Giải thích được vì sao phải cắt bỏ hết lá ở cành ghép.  - Làm rõ đượcưu điểm của phương pháp nhân giống vô tính so với cây trồng từ hạt.  **Vận dụng cao:**  - Ứng dụng được vai trò của sinh sản vô tính vào đời sống con người | 2 |  | 1 |  |
|  |  | Sinh sản hữu tính ở thực vật | **Nhận biết:**  - Phát biểu (tái hiện) được khái niệm sinh sản hữu tính ở thực vật.  - Liệt kê được các đặc trưng của sinh sản hũu tính ở thực vật.  - Nhận biết cơ quan sinh sản đực.  - Nhận biết cơ quan sinh sản cái.  - Nêu được vai trò của quả đối với sự phát triển của thực vật và đời sống con người  **Thông hiểu:**  - Trình bày được quá trình hình thành hạt phấn và túi phôi ở thực vật.  - Mô tả quá trình thụ phấn và thụ tinh ở thực vật,Phân biệt thụ phấn và thụ tinh.  - Hiểu được vì sao khi quả chín thường có màu sắc đẹp và hương vị hấp dẫn.  - Phân biệt sinh sản hữu tính ở động vật và thực vật.  - Mô tả quá trình hình thành hạt phấn.  - Mô tả quá trình hình thành túi phôi.  - Mô tả quá trình thụ tinh kép ở cây 1 lá mầm.  - Phân biệt tự thụ phấn và thụ phấn chéo.  - Phân biệt hai loại hạt: Hạt có nội nhũ và hạt không có nội nhũ.  - Xác định nguồn gốc tạo thành phôi, hạt, nội nhũ, quả.  **Vận dụng:**  - Giải thích được vì sao nói sinh sản hữu tính làm tăng khả năng thích nghi và giúp cho quần thể tồn tại được trong môi trường biến động.  - Từ sự hình thành và sự chín của quả:  + Giải thích được vai trò của quả đối với sự phát triển của đời sống thực vật.  + Giải thích đượcvai trò của quả đối với con người.  - Giải thích được cơ sở để tạo quả không hạt.  **Vận dụng cao:**  - Hãy đưa ra đánh giá, nhận xét về nhiều loại quả không hạt (nho, dưa hấu,...) được bán ở thị trường Việt Nam. | 2 | 1 |  |  |
| Tổng |  | | | 8 | 6 | 4 | 2 |
| Tỉ lệ |  | |  | 40% | 30% | 20% | 10% |